TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VINH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 06/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Đấu, ông Trần Đức Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai An - Thư ký Tòa án TP Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2023 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét sử số 06/2024/QĐXX-ST ngày 01/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐHPT ngày 17/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Hồng C** - sinh năm 1991

Nơi ĐKHKTT: Số 75 đường Kim Đ, khối Quang T, phường Hưng B, TP Vinh, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở hiện nay: Phòng 2313, chung cư Bảo Sơn số 72, đường Lê L, khối Vinh T, phường Hưng B, TP Vinh, tỉnh Nghệ An – có mặt.

- Bị đơn: **Chị Vi Thị L** - sinh năm 1987

Nơi ĐKHKTT: Số 75 đường Kim Đ, khối Quang T, phường Hưng B, TP Vinh, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở hiện nay: Phòng 2313, chung cư Bảo Sơn số 72, đường Lê L, khối Vinh T, phường Hưng B, TP Vinh, tỉnh Nghệ An – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Nguyễn Hồng C trình bày: Anh và chị Vi Thị L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 04/3/2010 tại UBND phường Hưng B, TP Vinh, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân xẩy ra mâu thuẩn do tính tình không phù hợp, mỗi người một tính, chị L thiếu tôn trọng chồng, xem anh không ra gì, thích đi đâu thì đi, thích làm gì thì làm, không hỏi ý kiến của anh, có những lần chị L đi sang Trung Quốc cả tháng để các con ở nhà cho anh nuôi dưỡng, anh khuyên giải nhưng chị L không nghe nên giữa vợ chồng thường xẩy ra cãi vã, xúc

phạm lẫn nhau và đã cắt đứt quan hệ tình cảm từ năm 2022 đến nay, không quan tâm nhau. Anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, tình cảm thực sự không còn nữa nên làm đơn xin L hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được L hôn với chị Vi Thị L để sớm ổn định cuộc sống của bản thân và yên tâm làm ăn nuôi dạy các con trưởng thành.

- Về con: Anh và chị Vi Thị L có hai con chung tên là Nguyễn Vi Hoài T – sinh ngày 04/8/2009 và Nguyễn Thế A – sinh ngày 05/01/2011, hiện tại các con đang ở với vợ chồng tại chung cư Bảo S, khối Vinh T, phường Hưng B, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng L hôn, nguyện vọng của anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản. Về khoản nợ: Vợ chồng anh không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía bị đơn: Chị Vi Thị L đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên hồ sơ không có lời khai của phía bị đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 234 BLTTDS. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72, 234 BLTTDS. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Anh C và chị L đăng ký kết hôn ngày 04/3/2010 tại UBND phường Hưng B, TP Vinh, tỉnh Nghệ An. Qúa trình chung sống với nhau giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn theo anh C do tính tình không phù hợp, chị L thiếu tôn trọng chồng nên thường xảy ra cãi vã lẫn nhau. Tại phiên tòa anh C vẫn giữ nguyên quan điểm xin được L hôn với chị L. Chị Vi Thị L trong qúa trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đều vắng mặt và cũng không có ý kiến phản hồi. Nhận thấy mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật HNGĐ xử cho anh Nguyễn Hồng C được L hôn với chị Vi Thị L. Về con chung: Vợ chồng anh C, chị L có hai con chung tên là Nguyễn Vi Hoài T – sinh ngày 04/8/2009 và Nguyễn Thế A– sinh ngày 05/01/2011. Vợ chồng L hôn, nguyện vọng của anh C xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, chị L không có ý kiến gì về nguyện vọng nuôi con, ý kiến của các con đều có nguyện vọng mong muốn được ở với bố. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật

Hôn nhân và gia đình xử giao cả hai con chung Nguyễn Vi Hoài T và Nguyễn Thế A cho anh Nguyễn Hồng C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành, tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị L do anh C không yêu cầu. Về tài sản và khoản nợ: Anh Nguyễn Hồng C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội buộc anh C phải chịu án phí L hôn sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và ý kiến của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] – Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự theo quy định của BLTTDS. Phía bị đơn đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án TP Vinh nhưng vẫn vắng mặt nên hồ sơ không có lời khai của chị Vi Thị L và vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của BLTTDS. Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất cho chị Vi Thị L nhưng chị L vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

[2] - Về nội dung: Qúa trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Hồng C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ tình cảm: Anh Nguyễn Hồng C và chị Vi Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04/3/2010 tại UBND phường Hưng B, TP Vinh, tỉnh Nghệ An. Như vậy hôn nhân của họ là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo lời khai của anh Nguyễn Hồng C trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, mỗi người một tính, chị L sống thiếu tôn trọng chồng, xem anh không ra gì, muốn đi đâu thì đi, làm gì thì làm, không hỏi ý kiến của anh, anh góp ý nhưng chị L không nghe nên giữa vợ chồng thường xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù đang sống chung với nhau trong một nhà nhưng vợ chồng đã cắt đứt quan hệ tình cảm từ năm 2022 đến nay, không quan tâm nhau. Anh xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, tình cảm thực sự không còn nữa nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin được L hôn với chị L. Chị Vi Thị L trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đều vắng mặt nên không có lời khai phản ánh ý kiến của mình tại hồ sơ. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án TP Vinh đã mở phiên hòa giải nhiều lần nhưng chị L đều không

đến Tòa án để tham gia hòa giải. Như vậy, chứng tỏ chị L không có thiện chí để đoàn tụ gia đình nên khả năng cải thiện quan hệ vợ chồng không khắc phục được. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh C, chị L đã trầm trọng, tình cảm thực sự không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho anh Nguyễn Hồng C được L hôn với chị Vi Thị L là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh Nguyễn Hồng C và chị Vi Thị L có hai con chung tên là Nguyễn Vi Hoài T – sinh ngày 04/8/2009 và Nguyễn Thế A – sinh ngày 05/01/2011. Vợ chồng L hôn, nguyện vọng của anh C xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, quá trình giải quyết vụ án chị L không có ý kiến gì về nguyện vọng nuôi con, các con đều có nguyện vọng mong muốn được ở với bố. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con cũng như để hai chị em được ở với nhau, gắn bó tình cảm và tránh sự xáo trộn việc học tập của các con nên giao cả hai con Nguyễn Vi Hoài T và Nguyễn Thế A cho anh Nguyễn Hồng C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành là phù hợp. Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con tạm hoãn cho chị Vi Thị L, do anh C không yêu cầu. Sau khi vợ chồng L hôn nếu anh C yêu cầu cấp dưỡng thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Về tài sản và khoản nợ: Anh Nguyễn Hồng C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

- Về án phí: Anh Nguyễn Hồng C phải chịu án phí L hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ tình cảm: Xử cho anh Nguyễn Hồng C được L hôn với chị Vi Thị L.

- Về con: Giao hai con chung Nguyễn Vi Hoài T – sinh ngày 04/8/2009 và Nguyễn Thế A – sinh ngày 05/01/2011 cho anh Nguyễn Hồng C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Vi Thị L do anh C không yêu cầu. Chị L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về án phí: Anh Nguyễn Hồng C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí L hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm

nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP Vinh, theo biên lai thu số 0001964 ngày 09/10/2023.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/05/2024) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. /.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khánh Toàn

+ Nơi nhận:
- Viện Kiểm sát TP Vinh
- Chi cục THADS TP Vinh
- Người tham gia tố tụng
- UBND phường Hưng B, TP Vinh, Nghệ An
- Lưu hồ sơ vụ án.